TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2024
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Chí

Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình oHo6nthụ lý số: 84/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Cẩm G, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phan Hữu B, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm G trình bày:

Chị và anh Phan Hữu B kết hôn với nhau vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 31/10/2022. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hữu B. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn chị không có yêu cầu.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Phan Hữu B có bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có nội dung:

Về yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Phan Thị Cẩm G thì anh đồng ý.

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Cẩm G. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn anh không có yêu cầu.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm G vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn", bị đơn anh Phan Hữu B có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm G và bị đơn anh Phan Hữu B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong vụ án này, quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/10/2022. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Phan Hữu B các văn bản tố tụng, anh B có bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng ý ly hôn với chị G, chứng tỏ anh Phan Hữu B không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị G, không muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B là có thật, trong thời gian vợ chồng chung sống chị G và anh B đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình *"...làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Cẩm G là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Phan Thị Cẩm G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm G. Chị Phan Thị Cẩm G được ly hôn với anh Phan Hữu B

Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm G và anh Phan Hữu B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003692 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Tân Phong, Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương